

Số 333/QĐ-UBND

Thoại Sơn, ngày 09 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội- môi trường phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có giai đoạn 2011-2020 xã An Bình huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BXD ngày 04/8/2009 Bộ Xây dựng Quy định việc lập nhiệm vụ, đồ án quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 32/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn năm 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 08/09/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội-môi trường, phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có giai đoạn 2011-2020 xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang;

Xét tờ trình số 179 /TTr-KTHT ngày 7/6/2018 của Phòng Kinh tế - Hạ tầng Về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội- môi trường phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có giai đoạn 2011-2020 xã An Bình huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội- môi trường phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có giai đoạn 2011-2020 xã An Bình huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, với các nội dung chủ yếu như sau:



1. Tên Đồ án: Điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

2. Phạm vi quy hoạch: Phạm vi lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- + Phía Bắc giáp xã Tây Phú – huyện Thoại Sơn
- + Phía Tây giáp xã Tân Tuyên – huyện Tri Tôn
- + Phía Nam giáp xã Vọng Đông, Vọng Thê – huyện Thoại Sơn
- + Phía Đông giáp xã Mỹ Phú Đông – huyện Thoại Sơn.

3. Nội dung điều chỉnh quy hoạch:

3.1. Nghĩa trang – nghĩa địa: Điều chỉnh đất nghĩa trang qui mô 1,15ha tại ấp Sơn Hiệp thành đất lúa.

3.2. Bãi chứa rác hợp vệ sinh : Điều chỉnh khu xử lý rác thải thuộc ấp Sơn Hiệp thành đất trồng lúa với qui mô 1 ha.

3.3. Điều chỉnh quy hoạch giao thông theo tiêu chí 2, nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang:

- **Tiêu chí 2.1:** Tỷ lệ km đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT.

+ Tuyến giao thông Vành đai Núi Trọi, đoạn từ cầu Núi Trọi đến cầu Vành đai Núi Trọi dài 3.7 km, nền đường rộng 4 m, mặt đường rộng 2m, kết cấu bê tông.

- **Tiêu chí 2.2:** Tỷ lệ km đường trục ấp, liên ấp được Nhựa hóa và Bê tông đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của bộ GTVT gồm các tuyến:

+ Tuyến giao thông bờ Tây kênh Mướp Vãn-Cảng Dừa, đoạn từ cầu ranh An Bình-Vọng Thê đến cầu Tây Bình, dài 3.8 km, nền đường rộng 4 m, mặt đường 2m, kết cấu bê tông.

+ Tuyến giao thông bờ Nam kênh Mỹ Phú Đông, đoạn từ ranh An Bình-Mỹ Phú Đông đến cầu Hai Trân, tổng chiều dài là 3.8 km, nền đường rộng 4 m, mặt đường rộng 2m, kết cấu bê tông.

- **Tiêu chí 2.3:** Tỷ lệ km đường, ngõ, xóm (đường dân sinh) được cứng hóa, sạch, không lầy lội vào mùa mưa gồm các tuyến:

Các tuyến đường nằm trong khu dân cư Sơn Hiệp, Phú Hiệp với tổng chiều dài là 2.3 km, mặt đường bê tông 2m, nền đường 3m.

- **Tiêu chí 2.4:** Tỷ lệ km đường, trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện gồm các tuyến:

+ Tuyến giao thông bờ Bắc kênh Vọng Đông 2, đoạn từ ĐT 947 (cầu ranh An Bình-Vọng Thê) đến kênh Sơn Hòa 3 dài 5.1 km, nền đường rộng 4 m, mặt 2 m, kết cấu đường đất.

+ Tuyến giao thông bờ Đông kênh ranh Thoại Sơn-Tri Tôn, đoạn từ ranh An Bình-Vọng Thê đến ranh An Bình-Tây Phú, tổng chiều dài là 2.8 km, nền đường rộng 5.5m, mặt đường rộng 3.5m, kết cấu cấp phối.

+ Tuyến giao thông bờ Nam kênh Núi Trọi-Sơn Hiệp đoạn từ ĐT 947 (cầu Núi Trọi) đến bờ Bắc kênh Vọng Đông 2, tổng chiều dài 5.5km, nền đường rộng 4m, mặt đường 2.0m, kết cấu đất.

+ Tuyến giao thông Kênh 4- Bắc Vọng Đông 1, đoạn từ ĐH76 đến bờ Bắc kênh Vọng Đông 1, tổng chiều dài là 2.9 km, nền đường rộng 4m, mặt đường rộng 2.0m, kết cấu nhựa.

+ Tuyến giao thông bờ Nam kênh Phú Tuyến 2 đoạn từ Tây Mườp Văn-Cảng Dừa đến bờ Đông kênh ranh Thoại Sơn-Tri Tôn, tổng chiều dài 2.5km, nền đường rộng 4m, mặt đường 2.0m, kết cấu cấp phối.

+ Tuyến giao thông bờ Bắc kênh Tân Tuyến đoạn từ Tây Mườp Văn-Cảng Dừa (cầu ranh VT-AB) đến bờ Đông kênh ranh Thoại Sơn-Tri Tôn, tổng chiều dài 2.8km, nền đường rộng 4m, mặt đường 2.0m, kết cấu cấp phối.

4. Quy mô kỹ thuật:

4.1. Yêu cầu kỹ thuật về cấp đường:

- Yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của Đường Cấp A

Thông số kỹ thuật chủ yếu	Tiêu chuẩn kỹ thuật của đường cấp A
Kích thước hình học:	
- Chiều rộng mặt đường	3,5 m
- Chiều rộng lề đường	1,5 m x 2
- Chiều rộng nền đường	6,5 m
Kết cấu mặt đường	- Mặt đường đá dăm láng nhựa chiều dày tối thiểu 15 cm. - Mặt đường bê tông xi măng chiều dày tối thiểu 18:20 cm.
Tải trọng khai thác	Tải trọng trục tiêu chuẩn để thiết kế công trình trên đường là 6 tấn/trục

- Yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của Đường Cấp B

Thông số kỹ thuật chủ yếu	Tiêu chuẩn kỹ thuật của đường cấp B
Kích thước hình học:	
- Chiều rộng mặt đường	3,5 m
- Chiều rộng lề đường	0,75 m x 2
- Chiều rộng nền đường	5 m
Kết cấu mặt đường	- Mặt đường đá dăm láng nhựa chiều dày tối thiểu 12 cm.

	- Mặt đường bê tông xi măng chiều dày tối thiểu 16 -18 cm.
Tải trọng khai thác	Tải trọng trục tiêu chuẩn để thiết kế công trình trên đường là 2,5 tấn/trục

+ Yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của Đường Cấp C

Thông số kỹ thuật chủ yếu	Tiêu chuẩn kỹ thuật của đường cấp C
Kích thước hình học:	
- Chiều rộng mặt đường	3,0 m
- Chiều rộng lề đường	0,5 m x 2
- Chiều rộng nền đường	4 m
Kết cấu mặt đường	- Mặt đường đá dăm láng nhựa chiều dày tối thiểu 10 cm. - Mặt đường bê tông xi măng chiều dày tối thiểu 12 -16 cm.
Tải trọng khai thác	Tải trọng trục tiêu chuẩn để thiết kế công trình trên đường là 2,5 tấn/trục

+ Yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của Đường Cấp D

Thông số kỹ thuật chủ yếu	Tiêu chuẩn kỹ thuật của đường cấp D
Kích thước hình học:	
- Chiều rộng mặt đường	1,5 m
- Chiều rộng lề đường	0,25 m x 2
- Chiều rộng nền đường	2 m
Kết cấu mặt đường	- Mặt đường đá dăm láng nhựa chiều dày tối thiểu 10 cm. - Mặt đường bê tông xi măng chiều dày tối thiểu 10 -14 cm. Mặt đường đá dăm, cấp phối đá dăm chiều dày tối thiểu 10 cm

4.2. Yêu cầu về giải pháp:

4.2.1. Chỉ Tiêu 2.1: Tỷ lệ km đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT.

a) Chức năng của đường: Đường xã có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã kết nối và lưu thông hàng hóa từ huyện tới các ấp và các cơ

sở sản xuất kinh doanh của xã. Đường xã chủ yếu phục vụ sự đi lại của người dân và lưu thông hàng hóa trong phạm vi của xã.

b) Yêu cầu cấp đường: Đường xã áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật của đường cấp A hoặc cấp B theo quy định tại Quyết định 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của bộ giao thông vận tải. Việc xác định đầu tư đường cấp A hay cấp B thì phải phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông trong khu vực và địa phương cấp thẩm quyền phê duyệt.

4.2.2 Chỉ Tiêu 2.2: Tỷ lệ km đường trục áp liên ấp được nhựa hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT.

a) Chức năng của đường: Đường trục liên ấp chủ yếu phục vụ sự đi lại của người dân và lưu thông hàng hóa trong phạm vi của ấp, kết và lưu thông hàng hóa đến các trang trại, ruộng đồng nương rẫy, cơ sở sản xuất, chăn nuôi.

b) Yêu cầu cấp đường: Đường trục ấp, liên ấp áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật của đường cấp B theo quy định tại Quyết định 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của bộ giao thông vận tải. Việc xác định đầu tư đường cấp B hay cấp C thì phải phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông trong khu vực và địa phương cấp thẩm quyền phê duyệt.

4.2.3 Chỉ Tiêu 2.3: Tỷ lệ km đường, ngõ, xóm (đường dân sinh) được cứng hóa, không lầy lội vào mùa mưa.

a) Chức năng của đường: Đường dân sinh là đường chủ yếu phục vụ sự đi lại của người dân giữa các cụm dân cư, các hộ gia đình và từ nhà đến nương rẫy, cơ sở sản xuất, chăn nuôi nhỏ lẻ.. Phương tiện dân sinh trên tuyến đường dân sinh chủ yếu là xe đạp, xe mô tô 2 bánh, xe kéo tay,...

b) Yêu cầu cấp đường: Đường dân sinh áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật của đường cấp D theo quy định tại Quyết định 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của bộ giao thông vận tải.

4.2.4 Chỉ Tiêu 2.4: Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện.

a) Chức năng của đường: Đường trục chính nội đồng là đường chính nối từ khu dân cư đến khu sản xuất tập trung của ấp, xã..

b) Yêu cầu về cấp đường: đường trục chính nội đồng áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật của đường cấp A,B,C hoặc D theo quy định tại Quyết định 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của bộ giao thông vận tải.

Cấp đường áp dụng nêu trên cho từng Chỉ tiêu là quy định tối thiểu khuyến khích áp dụng cấp đường cao hơn khi có đủ nguồn lực đầu tư, Để đáp ứng nhu cầu phát triển vận tải.

5. Kế hoạch thực hiện quy hoạch:

Bảng quy hoạch hệ thống giao thông đến năm 2020

ST T	Tên đường	Chiều dài (km)	Bề rộng mặt đường (m)	Nền đường (m)	Kết cấu	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Năm thực hiện
1	Đường Vành đai Núi Trọi (đoạn từ cầu Núi Trọi đến Km2+00)	2.0	3.5	5.5	Nhựa	3.300	2018
2	Đường Vành đai Núi Trọi (đoạn từ Km2 đến cầu Vành đai Núi Trọi)	1.7	3.5	5.5	Nhựa	2.600	2018
3	Đường bờ Tây kênh Mướp Văn-Cảng Dừa (đoạn từ cầu ranh AB-VT đến Km2+00)	2.0	3.5	5.5	Nhựa	3.300	2018
4	Đường bờ Tây kênh Mướp Văn-Cảng Dừa (đoạn từ Km2+00 đến cầu Tây Bình)	1.8	3.5	5.5	Nhựa	2.900	2018
5	Đường bờ Nam kênh Mỹ Phú Đông	3.8	3.5	5.5	Nhựa	5.000	2019
6	Đường bờ Bắc kênh Vọng Đông 2	3.2	3	5	Nhựa	4.000	2019
7	Xây mới cầu Tây Bình	30	4.5		BTCT	3.500	2019
8	Xây mới cầu ranh AB-MPEĐ	20	4.5		BTCT	2.500	2019
Tổng						27.100	

6. Tiến độ thực hiện: Năm 2016 - 2020.

7. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt: UBND huyện Thoại Sơn.
- Cơ quan thẩm định: Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Thoại Sơn.
- Đơn vị lập điều chỉnh quy hoạch: UBND xã An Bình.

Điều 2. Giao phòng Kinh Tế Hạ Tầng kiểm tra các nội dung điều chỉnh so với Đồ án quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội-môi trường, phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có giai đoạn 2011-2020 xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân xã An Bình :

1. Có trách nhiệm phối hợp cùng các ngành có liên quan tổ chức công bố Điều chỉnh quy hoạch giao thông theo tiêu chí 2, nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết thực hiện.

2. Chỉ đạo thực hiện Điều chỉnh quy hoạch, quy hoạch giao thông theo tiêu chí 2, nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đúng theo quy hoạch và pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và bổ sung Quyết định số: 5654/QĐ-UBND ngày 08/09/2011 về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội-môi trường, phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có giai đoạn 2011-2020 xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Điều 5. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã An Bình, Thủ trưởng ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 5;
- TT.UBND, huyện;
- Lưu: VT,KTHT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Ngọc Lắm